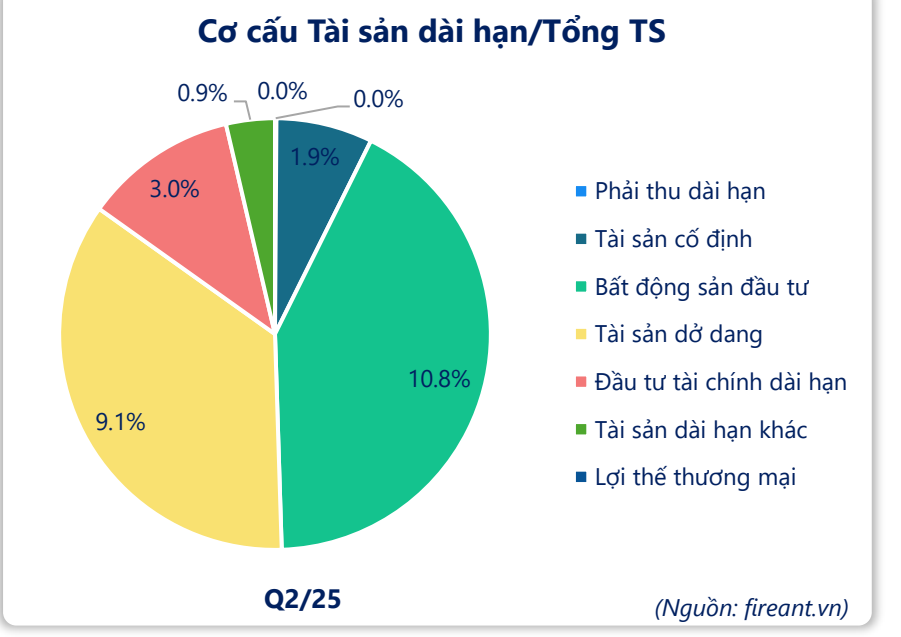
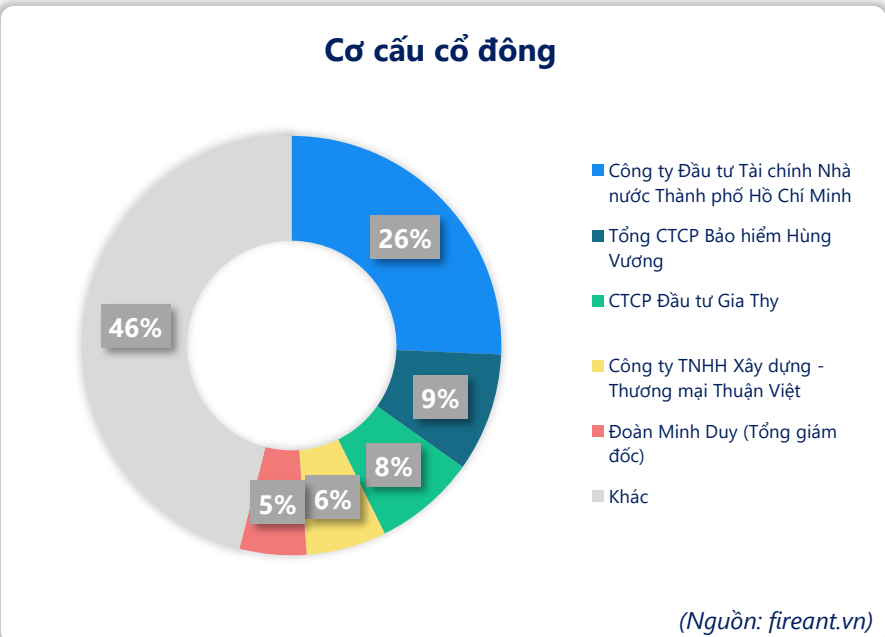
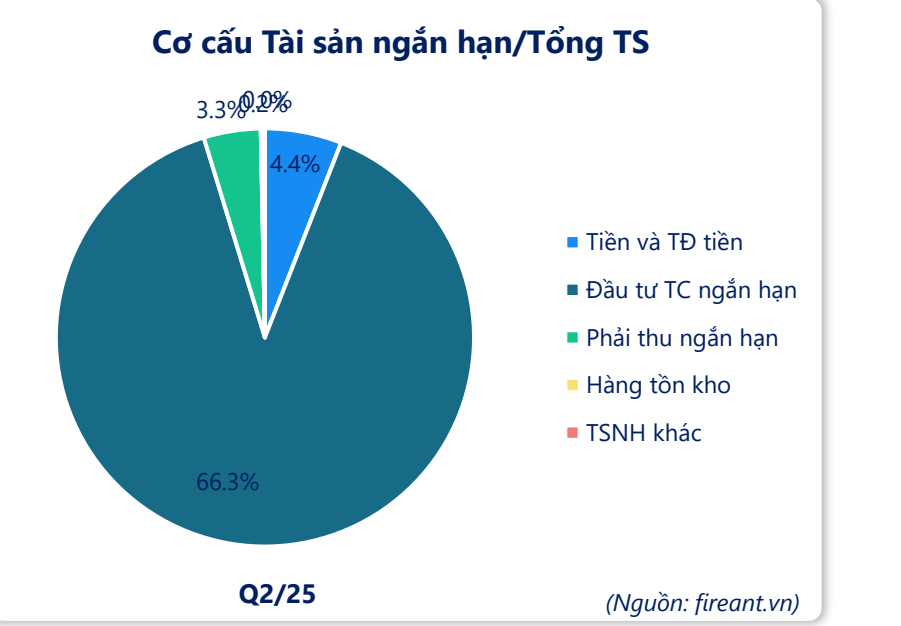
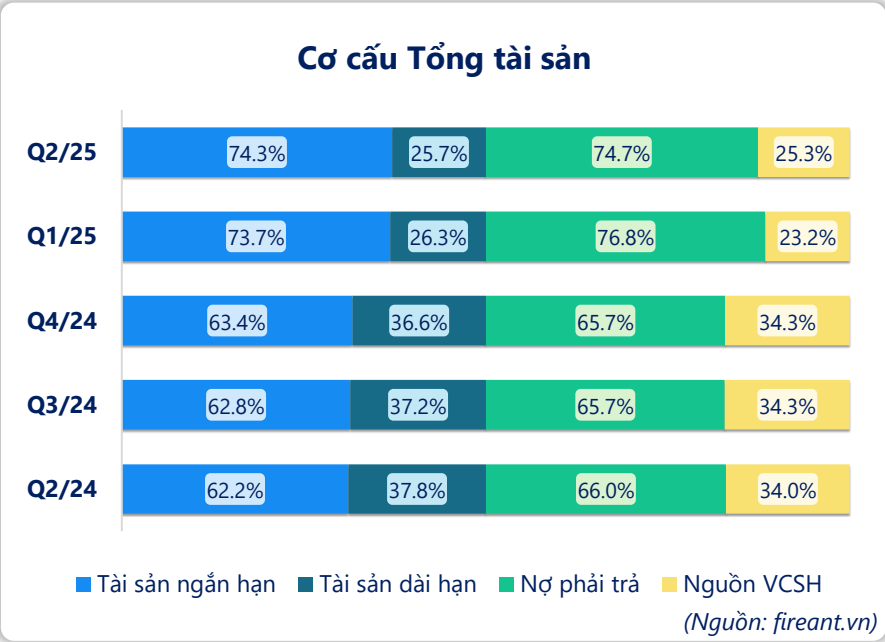
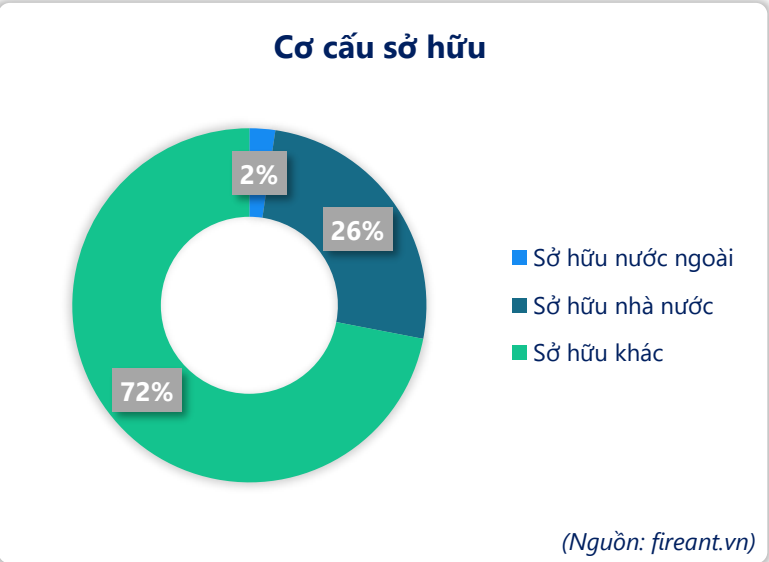
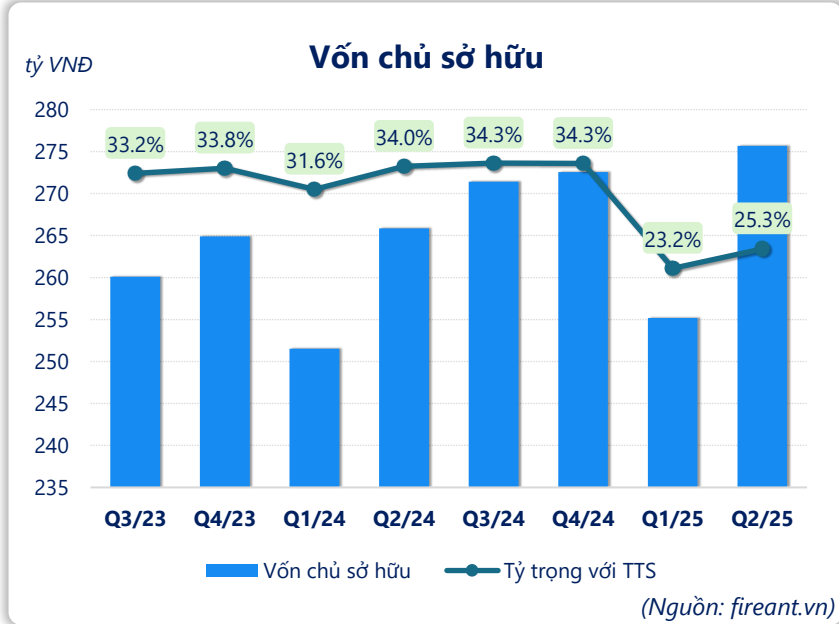
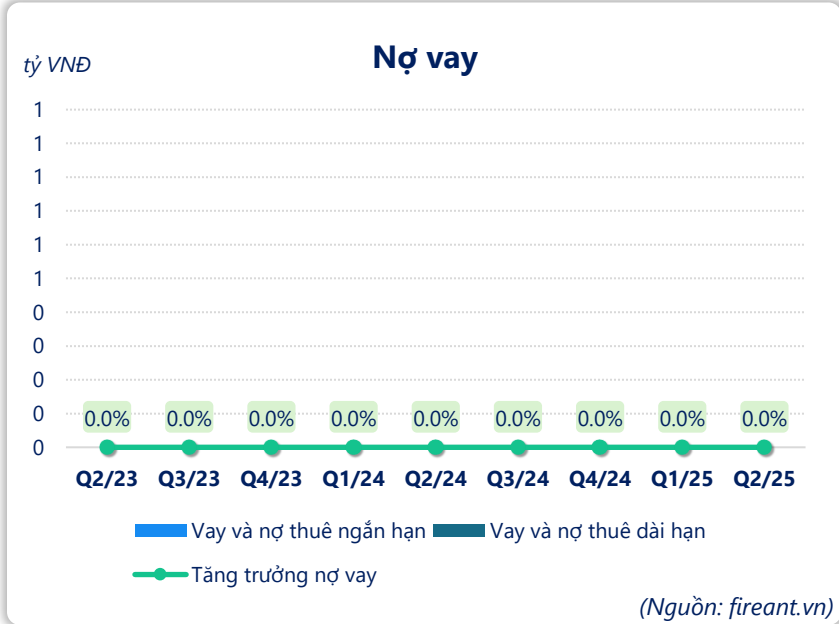
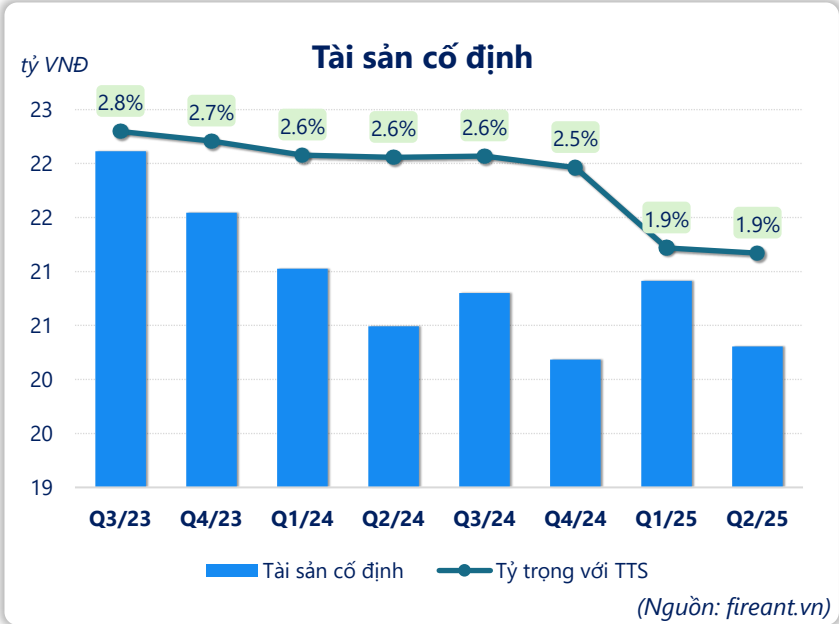
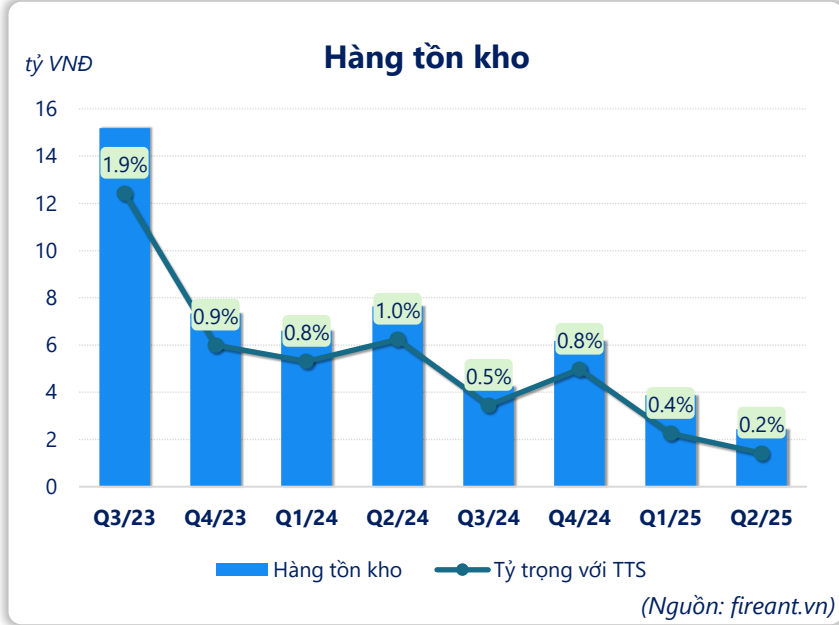
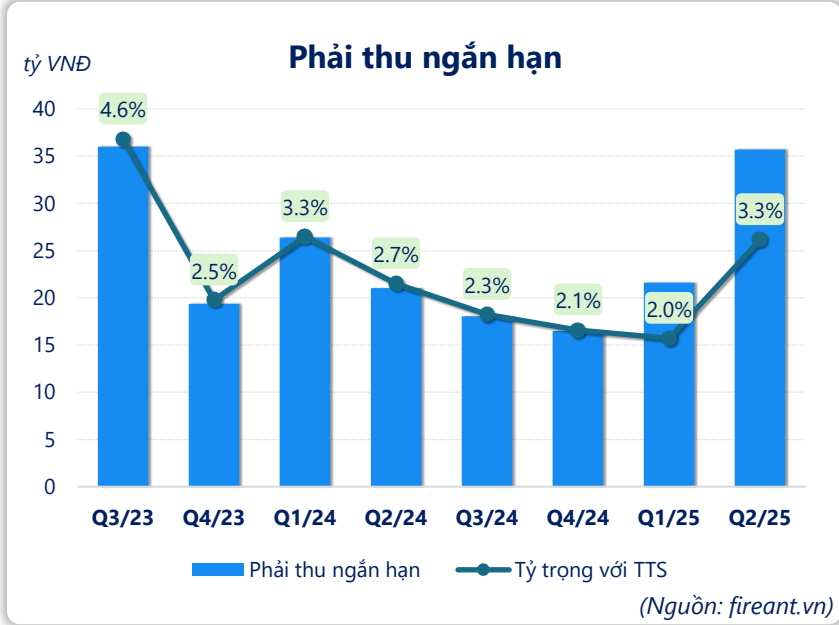
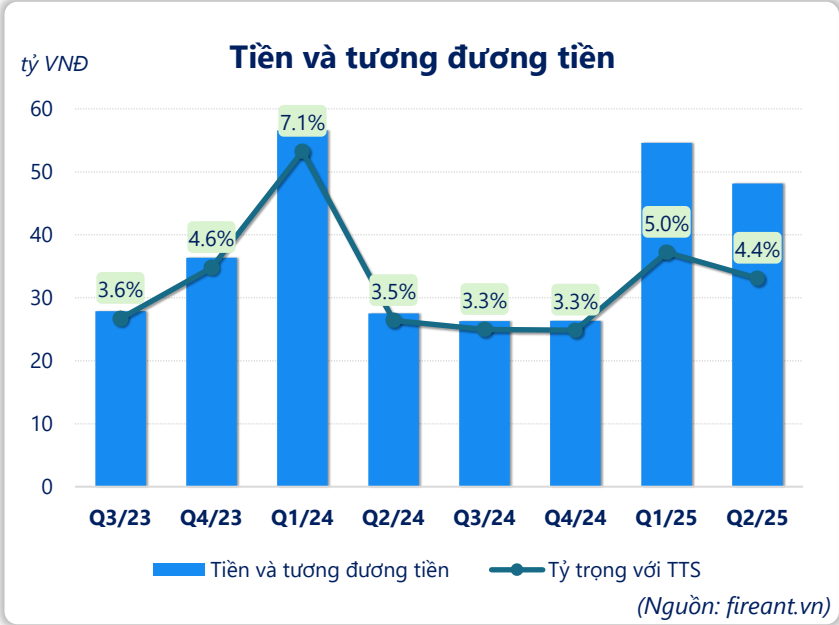
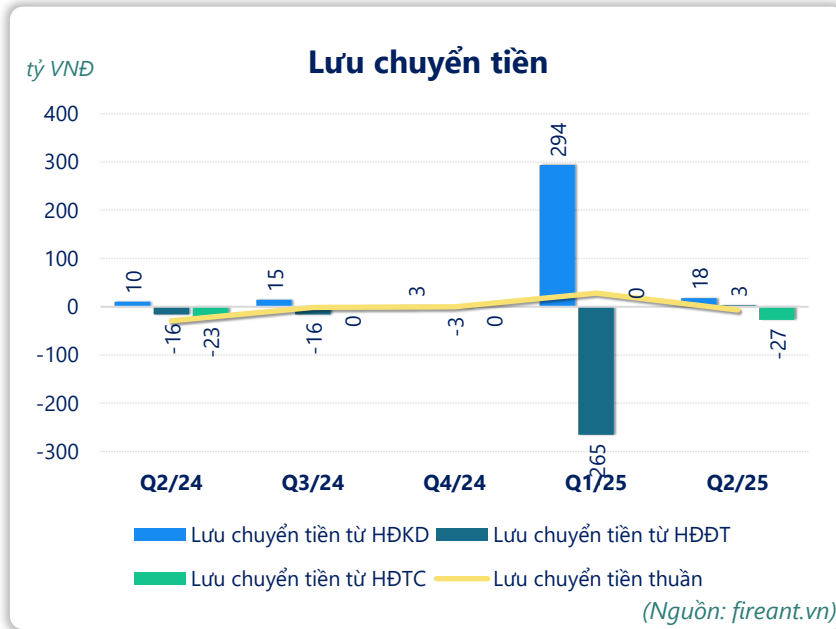
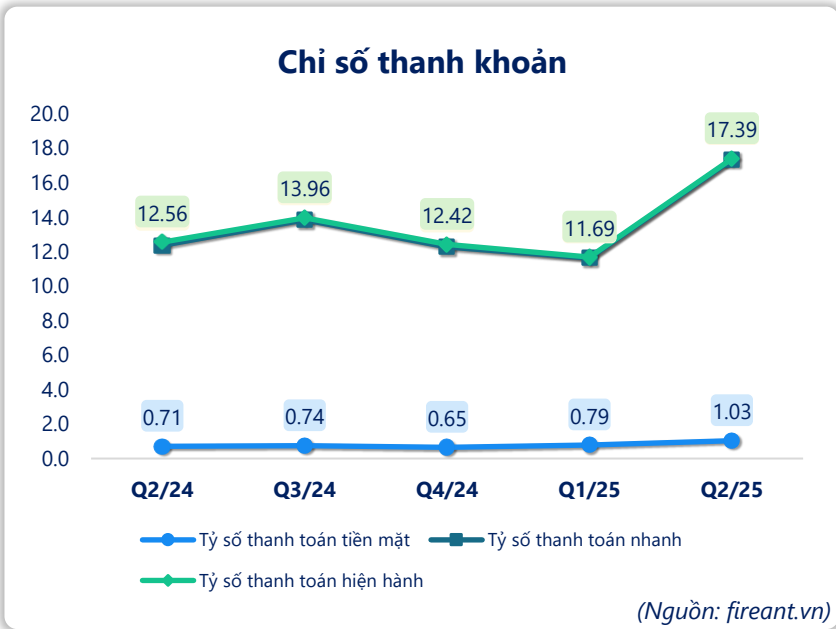
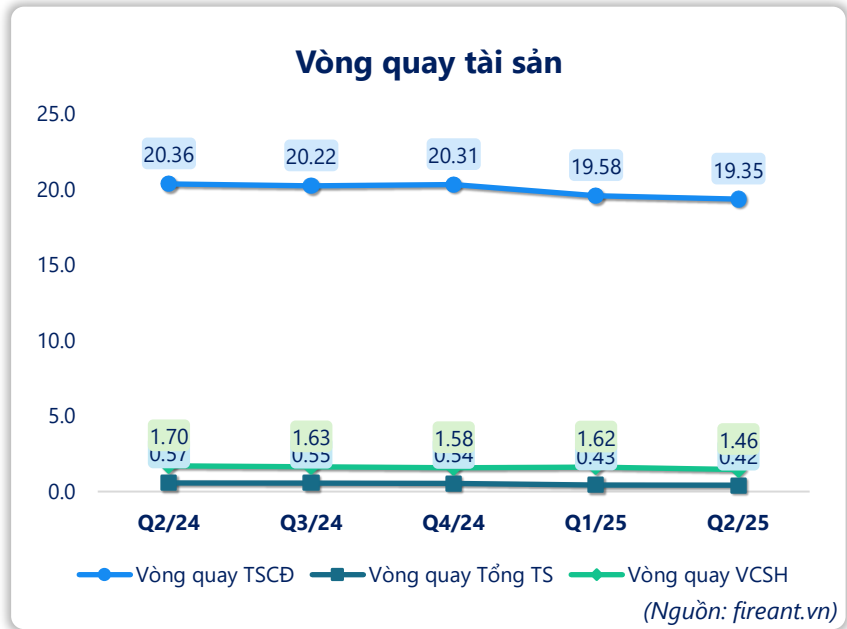
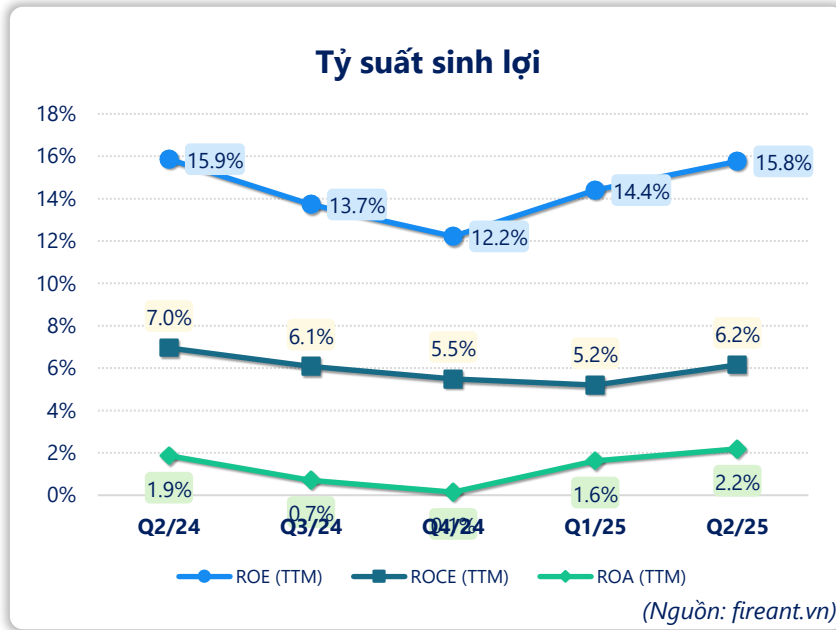
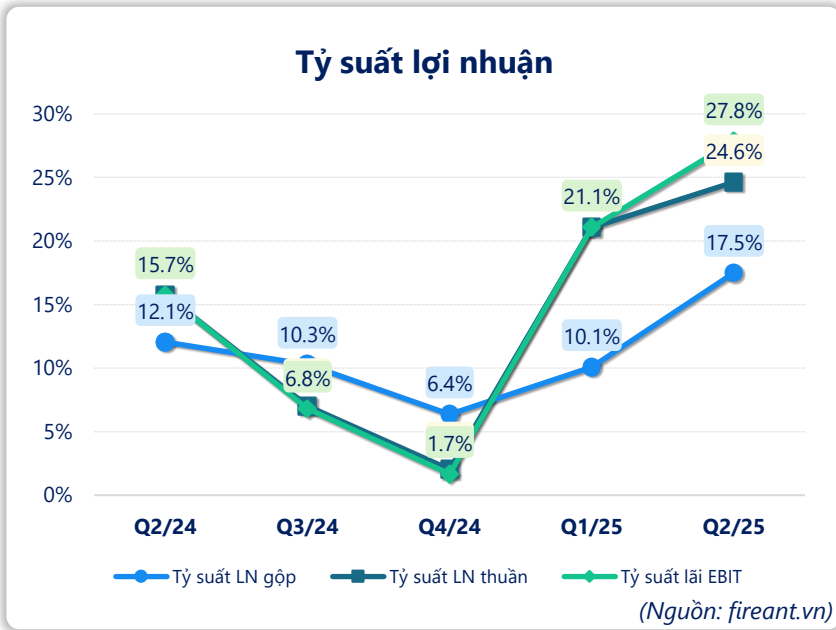
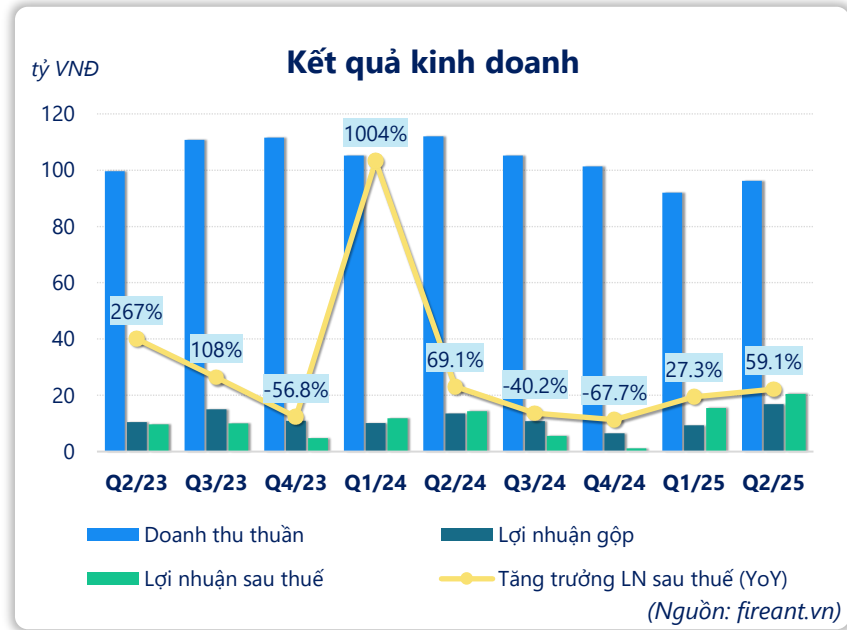


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		23,568
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,489
SL cổ phiếu LH		17,541,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,280
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		402
P/E		9.4
EPS		2,433

	YTD	1T	3T	6T
CCI	4.4%	2.2%	11.7%	6.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,092	795	37.3%
Tài sản ngắn hạn	811	504	60.9%
Tiền và tương đương tiền	48.2	26.3	82.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	724	455	59.3%
Phải thu ngắn hạn	35.7	16.5	116%
Hàng tồn kho	2.43	6.18	-60.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.20	0.08	138%
Tài sản dài hạn	281	291	-3.5%
Phải thu dài hạn	0.30	0.19	60.3%
Tài sản cố định	20.3	20.2	0.6%
Bất động sản đầu tư	118	123	-3.8%
Tài sản dở dang	99.3	99.4	-0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.3	32.5	-0.5%
Tài sản dài hạn khác	10.3	15.7	-34.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	816	522	56.2%
Nợ ngắn hạn	46.6	40.6	14.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.35	4.42	-92.1%
Nợ dài hạn	769	482	59.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	276	273	1.1%
Vốn chủ sở hữu	276	273	1.1%
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	112	105	101	92.0	96.2
Giá vốn hàng bán	98.5	94.4	94.9	82.8	79.4
Lợi nhuận gộp	13.5	10.8	6.45	9.29	16.8
Doanh thu HĐTC	5.83	4.74	5.12	9.45	13.1
Chi phí TC	-11.7	0.62	1.70	-7.11	-7.26
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.41	3.83	1.98	2.58	9.05
Chi phí QLDN	9.02	3.73	5.83	3.88	4.43
LN thuần từ HĐKD	17.6	7.39	2.06	19.4	23.7
Lợi nhuận khác	0.00	-0.21	-0.36	0.00	3.09
LN trước thuế	17.6	7.18	1.70	19.4	26.8
Lợi nhuận sau thuế	14.3	5.57	1.16	15.5	20.5
LNST của CĐ cty mẹ	14.3	5.57	1.16	15.5	20.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.3	14.8	3.11	294	17.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.4	-16.0	-3.06	-265	3.47
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.0	-0.01	-0.01	0	-27.4
Tiền đầu kỳ	56.6	27.5	26.3	26.3	54.6
Lưu chuyển tiền thuần	-29.1	-1.21	0.04	28.2	-6.42
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	27.5	26.3	26.3	54.6	48.2

(Nguồn: fireant.vn)